TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3783/2023/DS-ST
Ngày: 20/9/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Quốc Hưng;

2. Ông Võ Văn Lợi.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Lam – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2023/TLST-DS ngày 10/01/2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4586/2023/QĐXXST-DS ngày 28/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 5507/2023/QĐST-DS ngày 24/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Kang Jin C, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tầng 4, số 35 đường Đ, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đăng T, sinh năm 1987.

Địa chỉ thường trú: Nhà số C2-011, khu phố H, phường V, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương – (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

(theo văn bản ủy quyền số công chứng 001420, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 01/4/2022 tại Văn phòng Công chứng Bến Thành).

2. Bị đơn: Ông Bùi Anh S, sinh năm: 1979 – (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Số 3 đường H, Phường M, quận Phú Nhuận, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ tạm trú: 131/11 đường N, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Văn Cảnh T, sinh năm 1981

Địa chỉ thường trú: 08 đường Đ, khu phố 4, phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh – (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đăng T, sinh năm 1987.

Địa chỉ thường trú: Nhà số C2-011, khu phố Hg, phường V, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương – (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

(theo văn bản ủy quyền số công chứng 002675, quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 20/7/2023 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Duy Sơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Nguyên trước đây, tháng 05/2017, ông Kang Jin C và ông Văn Cảnh T cùng thỏa thuận với ông Bùi Anh S về việc cho ông Bùi Anh S mượn tổng cộng 1.500.000.000 đồng, để đầu tư vào Công ty Cổ phần Quảng Cáo Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Toàn Cầu. Theo thỏa thuận giữa các bên, ông Chul đã cho ông Bùi Anh S mượn 750.000.000 đồng, ông T cho ông S mượn số tiền 750.000.000 đồng (tổng số tiền ông S đã mượn của ông Chul và ông T là 1.500.000.000 đồng, ông Bùi Anh S có cam kết là khi nào ông Chul và ông Văn Cảnh T cần lấy lại tiền thì báo cho ông Bùi Anh S trước một tuần để ông S chuẩn bị tiền để trả lại, thỏa thuận này được ghi nhận theo Giấy xác nhận nợ của ông S có lưu trong hồ sơ vụ án. Mặc dù, đã thỏa thuận nêu trên, từ năm 2017 đến nay, ông Chul đã nhiều lần yêu cầu ông Bùi Anh S hoàn trả lại tiền, nhưng ông S hứa hẹn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, luôn tìm cách tránh né, làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của ông Chul. Do vậy, ông Kang Jin C đã khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Bùi Anh S phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần số tiền đã mượn là 750.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

(2) Bị đơn ông Bùi Anh S vắng mặt không có lý do, khi được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất.

(3) Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Văn Cảnh T vắng mặt không có lý do, khi được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 20/7/2023, ông Văn Cảnh T có nộp cho Tòa án văn bản ủy quyền số công chứng 002675, quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 20/7/2023 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Duy Sơn, có địa chỉ ấp Bến Đình, xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, về việc ủy quyền cho ông Nguyễn Đăng Tư tham gia giải quyết vụ kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, trong phạm vi ủy quyền ông Tư được toàn quyền quyết định mọi vấn đề khi tam gia tố tụng tại Tòa án. Cùng ngày ông Nguyễn Đăng Tư với tư cách là người đại diện hợp pháp của ông T có văn bản trình bày như sau: ông Văn Cảnh T và ông Bùi Anh S có quan hệ là bạn bè quen biết thông qua sự giới thiệu của ông Kang Jin C khi các bên làm việc chung với nhau. Vào tháng 4 năm 2017, dựa trên mối quan hệ bạn bè tin tưởng nhau nên ông Kang Jin C và ông Văn Cảnh T đã cho ông Bùi Anh S mượn số tiền 1.500.000.000 đồng (ông Chul cho ông S mượn số tiền 750.000.000 đồng, ông T cho ông S mượn số tiền 750.000.000 đồng). Mục đích ông S vay tiền là để đầu tư vào Công ty cổ phần quảng cáo Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Toàn Cầu. Việc cho vay giữa các bên có lập thành văn bản là giấy xác nhận nợ có chữ ký viết rõ họ tên của ông Bùi Anh S, ông Chul giữ 01 bản chính, ông T giữ 01 bản chính, nội dung giấy xác nhận nợ có ghi rõ số tiền nợ và cam kết khi nào ông Chul, ông T cần thì báo trước cho ông S 01 tuần sẽ trả lại. Sau nhiều lần yêu cầu trả nợ, cho đến nay ông S vẫn không thanh toán nợ cho ông T cũng như cho ông Kang Jin C. Việc ông Kang Jin C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông S trả lại 750.000.000 đồng đã mượn là phần của ông Chul thì ông T không có ý kiến, đối với phần còn lại ông S đang nợ ông T 750.000.000 đồng thì ông T sẽ tự thương lượng, thỏa thuận giải quyết với ông S, ông T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Ông T đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên. Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày như trên. Bị đơn ông Bùi Anh S tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, không có giao nộp tài liệu chứng cứ, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án chấp nhận. Bị đơn ông Bùi Anh S vắng mặt tại phiên

tòa đến lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, áp dụng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung vụ án: yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Giữa ông Kang Jin C với ông Bùi Anh S phát sinh tranh chấp từ hợp đồng vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo kết quả xác minh của Công an Phường 7, quận Phú Nhuận và Công an phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã xác nhận: Bị đơn ông Bùi Anh S có đăng ký cư trú và thực tế đang cư trú tại căn nhà số 131/11 đường Nguyễn Văn Hưởng, khu phố 5, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tại phiên tòa: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đăng Tư có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Bùi Anh S vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Giấy xác nhận nợ có chữ ký ghi rõ họ tên của bị đơn ông Bùi Anh S, căn cứ vào sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự, áp dụng theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

Vào tháng 5 năm 2017, ông Kang Jin C và ông Văn Cảnh T đã cho ông Bùi Anh S vay sô tiền 1.500.000.000 đồng. Mục đích ông S vay tiền là để đầu tư vào Công ty cổ phần quảng cáo Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Toàn Cầu. Việc vay mượn tiền giữa các bên được chứng minh bằng "Giấy xác nhận nợ" có chữ ký viết rõ họ tên của ông Bùi Anh S, nôi dung giấy xác nhận nợ có ghi rõ số tiền ông S có mượn và cam kết khi nào ông Chul, ông T cần thì báo trước cho ông S 01 tuần, ông S sẽ trả lại. Toàn bộ sự việc đã được người cho vay còn lại là ông Văn Cảnh T xác nhận. Như vậy, đối với số tiền ông

T cho ông S vay là 750.000.000 đồng, nhưng ông T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Đối với số tiền 750.000.000 đồng ông Kang Jin C cho ông S vay, từ năm 2017 cho đến nay ông Chul đã nhiều lần yêu cầu trả lại, nhưng ông S không trả như hứa hẹn ban đầu khi vay tiền, là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả tiền của bên vay được quy định cụ thể tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, đó là bên vay phải có nghĩa vụ trả đủ, trả đúng hạn, đúng thỏa thuận vay tiền giữa các bên. Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Bùi Anh S trả lại số tiền đã vay 750.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, 465, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phát sinh do vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi hết thời gian yêu cầu trả nợ mà bị đơn không thanh toán nợ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Bùi Anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn ông Kang Jin C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 463, 465, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Bùi Anh S có nghĩa vụ trả ngay một lần cho ông Kang Jin C số tiền đã vay là 750.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông Kang Jin C có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Bùi Anh S không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng ông S còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 34.000.000 đồng, buộc ông Bùi Anh S phải nộp theo quy định. Trả lại cho ông Kang Jin C số tiền tạm ứng án phí 17.000.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0029515 ngày 13/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- CCTHADS Tp.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Thiên